

SỞ Y TẾ TỈNH BẮC NINH
CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI TỔNG HỢP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CSBTXHTH - HCTH

Bắc Ninh, ngày tháng 10 năm 2025

V/v mời báo giá thực phẩm
phải chế biến

Kính gửi: Các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh thực phẩm.

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH13 ngày 23/6/2023 của Quốc hội. Căn cứ Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ quyết định số 374/QĐ-SYT, ngày 01/08/2025 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế sau sắp xếp; Căn cứ chức năng nhiệm vụ của đơn vị;

Cơ sở Bảo trợ Xã hội tổng hợp Bắc Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá thực phẩm phải chế biến phục vụ công tác chăm sóc nuôi dưỡng đối tượng tại Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp Bắc Ninh.

Vậy kính mời các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh thực phẩm quan tâm báo giá mời báo giá thực phẩm phải chế biến theo yêu cầu tại phụ lục kèm theo. Chi tiết đề nghị báo giá như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp Bắc Ninh (địa chỉ: Ngõ 185 đường Giáp Hải - phường Bắc Giang - tỉnh Bắc Ninh).

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá.

Họ và tên: Phạm Thị Phương

Chức vụ: Trưởng phòng Đời sống Dinh dưỡng - Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp Bắc Ninh.

Số điện thoại: 0988.094.955

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận văn thư hoặc Phòng Hành chính Tổng hợp thuộc Cơ sở Bảo trợ Xã hội tổng hợp Bắc Ninh - Ngõ 185, đường Giáp Hải, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh.

Nhận qua email: csbtxhth.syt@bacninh.gov.vn

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 20 tháng 10 năm 2025 đến trước 15h 30 phút ngày 25 tháng 11 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu **90 ngày** kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu	ĐVT	Số lượng/ 01 tháng
1	Gạo Khang dân hoặc tương đương	Gạo Khang dân hoặc tương đương	Kg	1.090
2	Thịt lợn sản mông và Thịt lợn sản (xay)	Thịt lợn sản mông và Thịt lợn sản (xay) có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; tươi – mới đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	Kg	385
3	Thịt chân giò cắt gọn	Thịt chân giò có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; tươi – mới đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	Kg	50
4	Thịt nạc vai	Thịt nạc vai có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; tươi – mới đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	Kg	200
5	Thịt ba chỉ	Thịt ba chỉ có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; tươi – mới đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	Kg	60
6	Xương sườn (rảnh sườn)	Xương sườn có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; tươi – mới đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	Kg	43
7	Xương cúp	Xương cúp có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; tươi – mới đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	Kg	102
8	Giò lợn	Giò lợn có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	Kg	60
9	Chả lợn	Chả lợn có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Kg	40

10	Xúc xích (10 cái)	Xúc xích (10 cái) có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Túi	25
11	Nem Hải sản	Nem Hải sản có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Cái	300
12	Cá rô phi lọc xương	Cá rô phi lọc xương có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Kg	52
13	Tôm đảo (loại 40- 50con/kg)	Tôm đảo (loại 35- 40con/kg) có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Kg	40
14	Trai, ngao	Trai, ngao có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Kg	33
15	Cua	Cua có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Kg	7
16	Thịt vịt	Thịt vịt có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Kg	100
17	Thịt gà ta	Thịt gà ta có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Kg	50
18	Đùi gà góc tư (1/2 phần đùi)	Đùi gà góc tư (1/2 phần đùi) có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Kg	100
19	Vịt quay	Vịt quay có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Con	55
20	Thịt bò (vai, thăn, ba chỉ)	Thịt bò có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Kg	15
21	Tỏi gà	Tỏi gà có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Kg	50

22	Giò bò to	Giò bò to có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Kg	8
23	Đậu	Đậu có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Bìa	730
24	Trứng gà	Trứng gà có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Quả	1416
25	Trứng chim cút	Trứng chim cút có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Quả	800
26	Bí đỏ, bí xanh	Bí đỏ, bí xanh có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Kg	160
27	Giá đỗ	Giá đỗ có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Kg	15
28	Khoai sọ, khoai tây, củ mỡ	Khoai sọ, khoai tây, củ mỡ có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Kg	150
29	Rau mồng tơi, ngót, cải, muống, dền	Rau mồng tơi, ngót, cải, muống, dền ... có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Kg	350
30	Bắp cải	Bắp cải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Kg	60
31	Cà chua	Cà chua có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Kg	97
32	Dưa hấu	Dưa hấu có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Kg	400
33	Chuối chín	Chuối chín có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Kg	90
34	Dưa vàng	Dưa vàng có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Kg	30

35	Dừa	Dừa có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Quả	34
----	-----	---	-----	----

1. Địa điểm cung cấp: Hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu tại Cơ sở Bảo trợ Xã hội tổng hợp Bắc Ninh.

2. Thời gian thực hiện gói thầu: 75 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

3. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Giá trị thanh toán: Việc thanh toán cho Nhà thầu bằng chuyên khoản, số lần thanh toán là nhiều lần theo từng lần nghiệm thu và nhà thầu cung cấp đầy đủ chứng từ, hóa đơn hợp lệ theo quy định.

- Thời hạn thanh toán: Thời hạn thanh toán trong vòng không quá 30 ngày kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Nhà thầu được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế.

4. Các thông tin khác:

- Tài liệu có liên quan gồm: Catalog hoặc tài liệu của hàng hóa, thực phẩm.

- Chứng nhận nguồn gốc thực phẩm, hàng hóa;

- Chứng nhận Cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

Hợp đồng cung cấp hàng hóa chào giá trong thời gian không quá 90 ngày tính đến thời điểm báo giá (nếu có);

- Tài liệu khác.

Đề nghị các Đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ quan tâm báo giá./.

Nơi nhận:

- Công TTĐT tỉnh Bắc Ninh;
- BBT Website Sở Y tế;
- Lãnh đạo Cơ sở BTXH TH;
- Lưu: VT, ĐSDD, HCTH, HSĐT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huế

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thư mời báo giá số /CSBTXHHTH-HCTH ngày /10/2025 của Cơ sở Bảo trợ Xã hội tổng hợp Bắc Ninh)

BÁO GIÁ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Kính gửi: Cơ sở Bảo trợ Xã hội tổng hợp Bắc Ninh

Chúng tôi, Công ty (Tên Đơn vị)....., có địa chỉ tại: Số điện thoại Chúng tôi cam kết là đơn vị có tư cách pháp nhân độc lập, được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, đủ điều kiện kinh doanh hàng hóa thuộc danh mục đề nghị báo giá theo quy định của pháp luật.

Căn cứ danh mục lương thực, thực phẩm, hàng hóa, theo đề nghị báo giá của Quý Cơ quan, Chúng tôi báo giá chi tiết như sau:

STT	Danh mục	Yêu cầu	Ký mã hiệu, xuất xứ (nếu có)	ĐVT	Số lượng/ 01 tháng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1.	Gạo Khang dân hoặc tương đương			Kg	1.090		
2.	Thịt lợn sản nông và Thịt lợn sản (xay)			Kg	385		
3.	Thịt chân giò cắt gọn			Kg	50		
4.	Thịt nạc vai			Kg	200		
5.	Thịt ba chỉ			Kg	60		

6.	Xương sườn			Kg	43		
7.	Xương cúp			Kg	102		

8.	Giò lợn			Kg	60		
9.	Chả lợn			Kg	40		
10.	Xúc xích (10 cái)			Túi	25		
11.	Nem Hải sản			Cái	300		
12.	Cá rô phi lọc xương			Kg	52		
13.	Tôm dỏ (loại40-50con/kg)			Kg	40		
14.	Trai, ngao			Kg	33		
15.	Cua			Kg	7		
16.	Thịt vịt			Kg	100		
17.	Thịt gà ta			Kg	50		
18.	Đùi gà góc tư (1/2 phần đùi)			Kg	100		

19.	Vịt quay			Con	55		
20.	Thịt bò			Kg	15		
21.	Tỏi gà			Kg	50		
22.	Giò bò to			Kg	8		
23.	Đậu			Bìa	730		
24.	Trứng gà			Quả	1416		
25.	Trứng chim cút			Quả	1000		
26.	Bí đỏ, bí xanh			Kg	160		
27.	Giá đỗ			Kg	15		
28.	Khoai sọ, khoai tây, củ mỡ			Kg	150		
29.	Rau mồng tơi, ngót, cải, muống, dền			Kg	350		
30.	Bắp cải			Kg	60		
31.	Cà chua			Kg	97		
32.	Dưa hấu			Kg	400		

33.	Chuối chín			Kg	90		
34.	Dưa vàng			Kg	30		
35.	Dứa			Quả	34		
Tổng giá trị thành tiền							
Bằng chữ							

***Ghi chú :**

1. Đơn giá đã bao gồm thuế VAT, các loại chi phí quản lý, các loại thuế, phí khác và toàn bộ chi phí bàn giao, nghiệm thu tại địa điểm sử dụng mà Chủ đầu tư không phải thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào khác.
2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày báo giá.
3. **Chúng tôi cam kết:**
4. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
5. Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
6. Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

.....ngày tháng năm 2025

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)